TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1074/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2024.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 425/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2014, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A, đường tỉnh lộ B, ấp C, xã D, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc G, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A, đường tỉnh lộ B, ấp C, xã D, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn S trình bày như sau:

Ông và bà G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển số 01 ĐKHH ngày 18/4/1996.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2023, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày mỗi người một ý nên khó có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho ông cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng. Sự việc kéo dài cho đến nay, ông nhận thấy hôn nhân không đạt mục đích, đời sống chung không thể kéo dài vì mâu thuẫn hiện tại không nào thể hàn gắn. Cũng năm 2023, vợ chồng ông sống ly thân không ai quan tâm lẫn nhau nữa. Đến tháng 02 năm 2024, bà G âm thầm đi nước ngoài mà không cho ông biết, ông cùng đã nói với bà G là ông đã nộp đơn xin ly hôn nhưng bà G không quan tâm. Ông cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà G. Nay ông làm đơn này xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông và bà G có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1997 và Võ Thị Quỳnh Nh, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

- Bị đơn bà G đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Củ Chi phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn về quan điểm sống nên ông S và bà G thường xuyên tranh cãi. Ông S xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên ông S mong muốn được ly hôn. Về phía Bà G, dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với vụ kiện, thể hiện bà G từ bỏ quyền của mình, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông S ly hôn với bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 27 tháng12 năm 2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc G có nơi cư trú tại ấp C, xã D, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kết quả xác minh của Công an xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi: Bà G đã đi hợp tác lao động từ ngày 15/02/2024, tại Công văn số 1309/A08P3 ngày 23/4/2024 của Phòng 3-Cục quản lý xuất nhập cảnh xác nhận bà G lần gần nhất xuất cảnh ngày 15/02/2024. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 7 của Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/20212 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "những quy định chung" của bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự quy định không thay đổi thẩm quyền giải quyết của Tòa án: *"Đối với vụ việc dân sự không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 33 của BLTTDS; được hướng dẫn tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, nếu trong quá trình giải quyết mới có sự thay đổi, như có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, thì theo quy định tại Điều 412 của BLTTDS, Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự đó"*.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông S:

Ông S và bà G tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 ĐKKH, ngày 18/4/1996 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Ông S trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vào năm 2023, vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mỗi người một ý nên khó có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho ông mệt mỏi, căng thẳng. Đến tháng 02 năm 2024, bà G âm thầm đi nước ngoài mà không cho ông biết, ông cùng đã nói với bà G là ông đã nộp đơn xin ly hôn nhưng bà G không quan tâm. Sự việc kéo dài cho đến nay, ông nhận thấy hôn nhân không đạt mục đích, đời sống chung không thể kéo dài vì mâu thuẫn hiện tại không thể hàn gắn. Ông S xác định vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không còn ai quan tâm lẫn nhau nữa. Ông S cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà G. Ông S yêu cầu được ly hôn với bà G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh nhưng bà G không gửi văn bản trình bày ý kiến của bà đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện bà G

không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông S xác nhận ông và bà G đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, ông S và bà G không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Ông S và bà G có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1997 và Võ Thị Quỳnh Nh, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên ông S không yêu cầu giải quyết về con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Ông S xác định không có, không có yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Bị đơn vắng mặt nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Võ Văn S và bà Đoàn Thị Ngọc G.

2. Về con chung: Ông S và bà G có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1997 và Võ Thị Quỳnh Nh, sinh năm 2003 (đều đã trưởng thành và đủ khả năng lao động).

3. Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Ông S xác định không có. Do bà G vắng mặt, nếu bà G có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019229 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông S đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng